

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 06/3/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Thí
2. Ông Phan Đình Xiềng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tấn Đ, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia.

Người được uỷ quyền lại: Ông Bùi Nhứt V, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Ia, tỉnh G (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Xuân S và chị Đặng Thị L; địa chỉ: Làng P, xã I, huyện Ia, tỉnh G (anh S có mặt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N cho ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 vay số tiền 410.000.000đ theo 02 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 5005LAV201903129 ngày 14/8/2019 cho vay 110.000.000đ để chăn nuôi và mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tại thời điểm vay, lãi quá hạn = 150% trên lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Ngày 16/7/2021 Ngân hàng có thông báo điều chỉnh giảm lãi suất theo hợp đồng nói trên từ 10%/năm xuống 09%/năm trong thời gian từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021. Ngày 14/8/2020 Hợp đồng tín dụng nói trên đã đến hạn trả nợ gốc và lãi nhưng ông T và bà T1 đề nghị kéo dài đến ngày 14/12/2020 để trả nợ và được Ngân hàng đồng ý. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, ông T và bà T1 chỉ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày 14/02/2020 là 5.575.342đ.

Hợp đồng tín dụng số 5005LAV201904028 ngày 18/12/2019 cho vay 300.000.000đ để chăn nuôi và mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tại thời điểm vay, lãi quá hạn = 150% trên lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Ngày 16/7/2021 Ngân hàng có thông báo điều chỉnh giảm lãi suất theo hợp đồng nói trên từ 10%/năm xuống 09%/năm trong thời gian từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021. Khi đến hạn trả nợ, ông T và bà T1 chỉ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 100.000.000đ, lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 15.698.630đ.

Để đảm bảo khoản các vay trên, giữa Ngân hàng và ông T, bà T1 xác lập 03 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 39117/HĐTC ngày 13/11/2017 để thế chấp: quyền sử dụng 3.897,3m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê tại thửa số 44, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Làng Bẹk, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 435218 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 30/12/2013.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 480617/HĐTC ngày 09/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/480167/PLHĐTC ngày 10/7/2018 để thế chấp: quyền sử dụng 1.821,2m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 tại thửa số 159, tờ bản đồ số 36; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất (nay là làng Út 2), xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 670795 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 20/12/2014.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 38117/HĐTC ngày 13/11/2017 để thế chấp: quyền sử dụng 2.920m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 798119 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 21/12/1998.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T và bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 5005LAV201903129 ngày 14/8/2019: Tính đến ngày 06/3/2023, nợ gốc 110.000.000đ, lãi trong hạn còn lại là 9.161.644đ, lãi quá hạn là 35.938.356đ, lãi chậm trả lãi trong hạn còn lại là 2.038.152đ.

2. Hợp đồng tín dụng số 5005LAV201904028 ngày 18/12/2019: Tính đến ngày 06/3/2023, nợ gốc còn lại 200.000.000đ, lãi trong hạn còn lại là 14.465.753đ, lãi quá hạn là 90.384.658đ, lãi chậm trả lãi trong hạn còn lại là 3.202.282đ.

Tổng cộng nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng là 465.190.845đ.

Ông T và bà T1 phải chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Nếu ông T và bà T1 không thực hiện trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho xử lý các tài sản đã thế chấp như trên để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 trình bày:

Về hợp đồng tín dụng: Ông, bà công nhận nay có nợ Ngân hàng gốc và lãi như Ngân hàng đã khởi kiện. Tuy nhiên hiện nay gia đình khó khăn không thể trả một lúc, đề nghị Ngân hàng xem xét cho trả dần. Nếu không trả được nợ thì giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý.

Về xử lý tài sản thế chấp: Việc ông, bà thế chấp các tài sản trên như Ngân hàng trình bày là đúng. Riêng đối với diện tích 2.920m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê, nhà ở và công trình phụ tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 789119 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 21/12/1998. Năm 2006 ông, bà đã cho con là Lê Xuân Sơn sử dụng làm nhà ở cho đến nay nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên ông, bà và đã thế chấp cho Ngân hàng. Khi thế chấp và vay tiền, ông bà có nói cho anh Sơn là con trai và chị Liên là con dâu biết. Nay nếu ông, bà không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân S trình bày: Vợ anh là chị Đặng Thị L đã nhận và biết các thông báo, triệu tập của Tòa án, nhưng hiện nay do đi làm ăn xa nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Diện tích 2.920m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê, nhà ở và công trình phụ tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 789119 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 21/12/1998 là của cha mẹ anh là ông Thủy và bà Thuận. Năm 2006 khi anh lập gia đình, ông T và bà T1 cho anh diện tích đất trên cùng tài sản trên đất là cây cà phê và căn nhà nhỏ, năm 2009 vợ, chồng anh cải tạo làm thêm căn nhà như hiện nay. Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên cha mẹ anh chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Khi ông T và bà T1 thế chấp Ngân hàng để vay tiền anh cũng biết. Nay Ngân hàng

khởi kiện anh sẽ cố gắng cùng với cha mẹ trả dần cho Ngân hàng. Nếu không trả được thì anh cũng chấp nhận để Ngân hàng xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng như nguyên đơn kiện. Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng N khởi kiện ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập là chị Đặng Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét các Hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Trong thời hạn vay, bị đơn chỉ trả được một phần nợ gốc và lãi. Khi đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như đã thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng tín dụng nói trên 310.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong 02 hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 10%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và

lãi chậm trả lãi trong hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng tín dụng là 310.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 23.627.397đ, lãi quá hạn tính đến ngày 06/3/2023 là 126.323.014đ, lãi chậm trả lãi trong hạn là 5.240.434đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 465.190.845đ.

[5]. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Các đương sự đã xác lập 03 hợp đồng thế chấp để thế chấp các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng 3.897,3m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê tại thửa số 44, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Làng Bék, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Quyền sử dụng 1.821,2m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 tại thửa số 159, tờ bản đồ số 36; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất (nay là làng Út 2), xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Quyền sử dụng 2.920m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Xét 03 Hợp đồng thế chấp nói trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bên thế chấp. Riêng diện tích 2.920m² đất và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê và căn nhà tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai do anh Lê Xuân S và chị Đặng Thị L đang trực tiếp sử dụng. Tuy nhiên về mặt pháp lý quyền sử dụng diện tích đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của ông T và bà T1, khi xác lập hợp đồng thế chấp anh S và chị L biết và không có ý kiến gì. Do đó trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 4.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc còn lại 310.000.000đ, tiền nợ lãi trong hạn là 23.627.397đ, tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 06/3/2023 là 126.323.014đ và tiền lãi chậm trả lãi là 5.240.434đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 465.190.845đ (*bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trong trường hợp ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 44, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Làng Bẹk, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 435218 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 30/12/2013.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 159, tờ bản đồ số 36; địa chỉ: Thôn Hợp Nhất (nay là làng Út 2), xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 670795 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 20/12/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: Làng Păng Gol – Phù Tiên, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 798119 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 21/12/1998.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng N 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Ông Lê Xuân T và bà Võ Thị T1 phải chịu 22.607.634đ (*hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã tạm nộp là 11.930.128đ (*mười một triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai thu số 0008620 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công